| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: **22**/2025/KDTM-PT
Ngày: 24/01/2025
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

# NHÂN DANH
# NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
# TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có***:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà*: Bà Lê Thị Quỳnh Anh

*Các Thẩm phán*: Bà PH Thị Như Mai

Bà Ngô Thị Phúc Hảo

***- Thư ký phiên tòa***: Bà Huỳnh Thúy Ngân – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh*** *tham gia phiên tòa*: Ông Nguyễn Văn Phương – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 02 và 24 tháng 01 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 236/2024/TLPT-KDTM ngày 18 tháng 11 năm 2024 về: "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*".

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 1390/2024/KDTM-ST ngày 22 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 6324/2024/QĐ-PT ngày 03 tháng 12 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 18325/2024/QĐ-PT ngày 20 tháng 12 năm 2024 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 289/2025/QĐPT-KDTM ngày 02 tháng 01 năm 2025, giữa:

*1. Nguyên đơn:* Công ty Cổ phần M; địa chỉ: Đường Lê D, phường N, Quận A, Thành phố M;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông T, ông H, ông D, bà C, ông TR (theo Giấy ủy quyền ngày 05/8/2024) (Ông T, ông H, ông TR có mặt; bà C, ông D vắng mặt).

*2. Bị đơn:* Công ty Cổ phần Công nghệ V; địa chỉ: Đường P, Phường S, quận T, Thành phố M;

Người đại diện theo pháp luật: Ông TD, chức vụ: Giám đốc; địa chỉ: Phường B, thành phố Đ, Thành phố M; địa chỉ liên lạc: đường C, Phường M, quận B, Thành phố M. (có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Bà V (có đơn xin vắng mặt), bà H và ông P (có mặt) – Là Luật sư của Công ty Luật Trách nhiệm hữu hạn TNJ thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.

*3. Người làm chứng:*

3.1. Ông Đ, sinh năm 1972; địa chỉ: Đường T, Phường O, Quận J, Thành phố M.

3.2. Ông H, sinh năm 1982; địa chỉ: Đường X, Phường Q, quận T, Thành phố M.

3.3. Ông Y, sinh năm 1953; địa chỉ: Đường Đ, Phường A, Quận D, Thành phố M.

*(Các ông Đ, H, L có đơn xin vắng mặt).*

Người kháng cáo: Nguyên đơn Công ty Cổ phần M kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện ngày 07/3/2018, bản tự khai, biên bản hòa giải, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn Công ty Cổ phần M có ông T là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Trước đây, nguyên đơn Công ty Cổ phần M (sau đây gọi tắt là Công ty M) có ý định thuê bị đơn Công ty Cổ phần Công nghệ V (sau đây gọi tắt là Công ty V) thực hiện dự án xây dựng phần mềm quản lý các bệnh viện của nguyên đơn. Đây là dự án phức tạp, cần nhiều nguồn lực về nhân sự và chi phí. Theo đề nghị của bị đơn, nguyên đơn đã cho bị đơn vay số tiền 8.000.000.000 đồng để hỗ trợ tài chính cho bị đơn có nguồn vốn ban đầu; hai bên có ký kết Hợp đồng vay số 01/02/2018/HĐV-HMC-VMEDICAL (sau đây gọi tắt là Hợp đồng vay) ngày 23/02/2018, kèm Phụ lục 1 (Các điều kiện tiên quyết) và Phụ lục 2 (Thông tin sản phẩm của Dự án). Theo nội dung hợp đồng thì bị đơn vay để phục vụ cho hoạt động dự án xây dựng phần mềm cho nguyên đơn, thông tin dự kiến của phần mềm theo mô tả ở Phụ lục 2, lãi suất 5%/năm, thời hạn vay là 01 năm kể từ ngày giải ngân. Ngày 08/3/2018, nguyên đơn đã giải ngân số tiền trên cho bị đơn.

Nguyên đơn xác định, mặc dù hai bên có các cuộc thảo luận liên quan đến xây dựng phần mềm nhưng thực tế các bên chưa giao kết thỏa thuận xây dựng phần mềm do chưa thống nhất các vấn đề.

Tại Điều 4.2 của Hợp đồng vay đã thỏa thuận, số tiền vay chỉ được chuyển thành tiền ứng trước theo hợp đồng mua bán phần mềm khi thỏa mãn hai điều kiện. Do hai bên không ký hợp đồng viết phần mềm nên không thỏa mãn điều kiện chuyển đổi tiền thanh toán. Hợp đồng vay có giá trị pháp lý theo quy định tại các Điều 117 và 119 của Bộ luật dân sự năm 2015 về thẩm quyền ký kết, ý chí tự nguyện giao kết, nội dung không trái với quy định của pháp luật, đạo Đ xã hội và có lập thành văn bản. Bị đơn phải trả lại toàn bộ số tiền gốc và lãi theo quy định tại các Điều 466 và 467 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Nguyên đơn không biết bên nào soạn thảo Hợp đồng vay, thừa nhận mục đích vay phục vụ cho hoạt động xây dựng phần mềm quản lý y khoa của M. Sau khi ký kết Hợp đồng vay, các bên có trao đổi xây dựng dự án nhưng nguyên đơn không có thông tin về việc báo cáo, thuyết trình, tiến độ xây dựng dự án, không biết dự án thực hiện đến đâu, nhóm xây dựng phần mềm gồm những ai, do bên nào đề cử, có chuyên gia để kiểm định, giám định phần mềm hay không. Tại thời điểm kết thúc

thời hạn vay cho đến tháng 01/2022, nguyên đơn không có bất cứ văn bản hoặc yêu cầu với bị đơn nghiệm thu sản phẩm hoặc hoàn trả tiền vay. Hiện nay, nguyên đơn không có cơ sở để nghiệm thu, tiếp nhận phần mềm. Mặc dù đã kiểm tra nhưng nguyên đơn không lưu trữ, không có thông tin nào về toàn bộ nhân sự có liên quan đến thỏa thuận vay, các tài liệu liên quan đến việc đàm phán, trao đổi, thỏa thuận xây dựng, phát triển phần mềm, kỹ sư trực tiếp thực hiện dự án nên không thể cung cấp cho Tòa án. Đối với các thư điện tử do bị đơn, ông H cung cấp, được dịch sang tiếng Việt, nguyên đơn suy đoán đây là việc xây dựng dự án phần mềm. Tuy nhiên, nguyên đơn không biết, không có thông tin, không có tranh chấp về giá trị pháp lý của các tài liệu này. Nguyên đơn thừa nhận tại thời điểm giao kết Hợp đồng vay, ông Đ là Tổng giám đốc - người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn, ông R là Chủ tịch Hội đồng quản trị, cả hai không có mâu thuẫn với tập đoàn hay với công ty, không có thông tin về ông H. Hợp đồng vay không phải là hợp đồng dịch vụ. Trong trường hợp Hội đồng xét xử xác định Hợp đồng vay vô hiệu, nguyên đơn vẫn giữ nguyên quan điểm Hợp đồng này có giá trị pháp lý, không yêu cầu tuyên bố giao dịch dân sự vô hiệu và giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu.

Quá thời hạn vay, bị đơn vẫn không trả tiền gốc và lãi cho nguyên đơn. Ngày 10/01/2022, nguyên đơn gửi thông báo yêu cầu bị đơn phải hoàn trả toàn bộ số tiền 9.550.000.000 đồng, bao gồm gốc là 8.000.000.000 đồng và lãi tạm tính đến ngày 31/12/2021 là 1.550.000.000 đồng.

Do bị đơn không thực hiện việc trả tiền nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bị đơn trả cho nguyên đơn toàn bộ số nợ gốc là 8.000.000.000 đồng và tiền lãi tạm tính đến ngày 31/12/2021 là 2.581.111.111 đồng.

2. Tại văn bản trình bày ý kiến ngày 22/12/2023, bị đơn – Công ty Cổ phần V do ông TD là người đại diện theo pháp luật trình bày:

Bị đơn là công ty được thành lập năm 2017, theo chỉ đạo của ông R - Chủ tịch Hội đồng quản trị đương nhiệm của Tập đoàn Y, để thực hiện duy nhất dự án phần mềm quản lý bệnh viện cho nguyên đơn. Do đó, bị đơn chỉ là công ty dự án. Toàn bộ nhân sự của bị đơn là thành viên trong tập đoàn bao gồm: Ông Y là tư vấn cấp cao của Tập đoàn Y, là cổ đông góp vốn của nhiều Bệnh viện của Tập đoàn; Ông H là người đại diện theo pháp luật, cổ đông sáng lập của Công ty Cổ phần Bệnh viện Quốc tế M Thủ Đ, chuyên gia về công nghệ thông tin.

Hợp đồng vay cùng toàn bộ các tài liệu, Phụ lục đính kèm do nguyên đơn soạn thảo. Khi ký kết Hợp đồng vay, hai bên thỏa thuận số tiền này là khoản vay nội bộ, thể hiện rõ ở thư điện tử ngày 23/02/2018 của ông Đ gửi cho ông R và ông H. Thực chất đây là khoản tạm ứng. Do thay đổi chủ sở hữu, bộ máy lãnh đạo, nhân sự cấp cao của tập đoàn nên hiện nay dự án bị dừng lại hoàn toàn do lỗi của nguyên đơn. Bị đơn đề nghị nguyên đơn phải nghiệm thu, tiếp nhận phần mềm. Trong trường hợp Tòa án xác định Hợp đồng vay vô hiệu, bị đơn không yêu cầu Tòa án tuyên bố giao dịch dân sự vô hiệu và giải quyết hậu quả mà sẽ khởi kiện vụ án khác. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ngày 04/8/2022 bị đơn có đơn phản tố yêu cầu nguyên đơn phải nghiệm thu, tiếp nhận sản phẩm phần mềm và trả cho bị đơn số tiền 17.000.000.000 đồng. Ngày

30/11/2022, Tòa án đã ban hành Thông báo số 1845/2022/TB-TA về việc nộp tiền tạm ứng án phí phản tố và tống đạt hợp lệ cho bị đơn vào ngày 01/12/2022. Hết thời hạn luật định, bị đơn không đóng tiền tạm ứng phản tố nên Tòa án đã ban hành Thông báo số 103/TB-TA ngày 12/12/2022 trả lại đơn phản tố cho bị đơn.

3. Người làm chứng:

3.1 Ông Đ trình bày tại Bản tự khai ngày 09/10/2023 như sau: Vào năm 2017, ông làm việc cho Công ty Cổ phần M với chức vụ Tổng giám đốc kiêm đại diện theo pháp luật. Do nguyên đơn có nhu cầu triển khai phần mềm hệ thống quản lý thông tin bệnh viện (HIS) nên lựa chọn bị đơn để hợp tác thực hiện. Ông đã đại diện nguyên đơn ký kết Hợp đồng vay. Khoản tiền này có thể được xem là tiền vay giúp bị đơn xây dựng phần mềm và có thể cấn trừ thanh toán khi HIS hoàn tất. Trong thời gian làm việc tại M, ông đã cùng ông R và ông H trao đổi thông tin giữa hai bên sao cho phần mềm đáp ứng được các yêu cầu thực tiễn trong việc quản lý hệ thống Bệnh viện M tại Việt Nam. Đồng thời hai bên cũng đã tiến hành hoàn thiện, thống nhất dự thảo hợp đồng về việc xây dựng phần mềm HIS, cũng bàn về các điều khoản chính của hợp đồng nhưng chưa thống nhất ngày ký. Tháng 5/2019, ông không còn làm việc tại Tập đoàn Y nên không biết các sự việc diễn ra sau đó.

Tại văn bản ngày 21/3/2024 ông Đ trình bày: Ông đề nghị Tòa án không công khai Biên bản đối chất ngày 21/3/2024 với những nội dung, chứng cứ có liên quan đến bí mật nghề nghiệp, bí mật kinh doanh, bí mật cá nhân vì ông có ký thỏa thuận không tiết lộ thông tin, đồng thời đang là Tổng giám đốc của một Tập đoàn y khoa khác. Ông đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

3.2 Ông H trình bày tại Biên bản đối chất ngày 21/3/2024 như sau: Ông là giám đốc của Bệnh viện M Đồng Nai từ khoảng năm 2013 - 2014 đến năm 2018, là cổ đông của Bệnh viện M Đồng Nai, Bệnh viện M Kỳ Đồng và hiện tại là Giám đốc của Bệnh viện Quốc tế M Đồng Nai, cổ đông của Bệnh viện M Thủ Đ. Ông không phải nhân viên, không ký kết hợp đồng lao động, không nhận lương của nguyên đơn và bị đơn. Đích thân ông R - Chủ tịch Hội đồng quản trị của Tập đoàn Y đã mời ông làm đối tác, giao nhiệm vụ xây dựng phần mềm. Ông là người triển khai dự án, chịu trách nhiệm về kỹ thuật, theo phân công của ông R và ông Đ. Hai bên thỏa thuận xây dựng phần mềm trước, sau đó thành lập Công ty V và ký kết Hợp đồng vay. Số tiền 8.000.000.000 đồng là khoản tạm ứng để xây dựng phần mềm vì trên lý thuyết, Công ty V không có vốn điều lệ, không có tài sản nên không có khả năng trả. Nguyên đơn đã sử dụng cách này trong nhiều dự án, đây là khoản vay nội bộ. Theo thỏa thuận, dự án được thực hiện trong khoảng 06 năm từ lúc ký Hợp đồng vay đến khi chuyển giao, giá trị hợp đồng xây dựng phần mềm khoảng 26.000.000.000 đồng. Tiến độ xây dựng phần mềm từng giai đoạn được thỏa thuận nhưng không lập thành văn bản, các bên vừa bàn bạc, vừa thực hiện, ông là người triển khai, đồng thời tư vấn. Các bên trao đổi qua các cuộc họp trực tiếp, tất cả đều có biên bản họp do Tập đoàn Y đang lưu giữ. Những người tham gia đều là nhân viên của Tập đoàn, thể hiện ở các thư điện tử đã cung cấp cho Tòa án. Sau khi nhận số tiền 8.000.000.000 đồng, ông được ủy quyền toàn bộ nên toàn quyền quyết định để mua trang thiết bị, tuyển dụng nhân sự, chi tiết thể hiện trong Báo cáo tài chính, Báo cáo thuế. Phần mềm đã được chạy thử tại Bệnh viện M Thủ Đ, nơi ông là cổ đông góp vốn, có sự chứng kiến của toàn bộ nhân viên bệnh viện, để hoàn thiện hồ sơ cấp phép hoạt động Công

ty Cổ phần M Thủ Đ. Sau khi được cấp phép thì không rõ vì lý do gì mà không sử dụng phần mềm này nữa mà sử dụng phần mềm của FPT. Ông đã gửi thư điện tử, gửi văn bản và trực tiếp yêu cầu người đại diện theo pháp luật mới của nguyên đơn tiếp tục dự án nhưng không nhận được trả lời. Thực tế, ngoài số tiền đã nhận, ông còn phải tự bỏ ra rất nhiều chi phí, tiền bạc để chạy thử phần mềm tại Bệnh viện M Thủ Đ. Hiện nay, dự án đang bị dừng lại, còn dang dở. Ông đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

3.3 Ông Y trình bày tại Biên bản đối chất ngày 21/3/2024 như sau: Ông là cố vấn cấp cao của Tập đoàn Y từ năm 2010 đến 2018, cố vấn về mảng phát triển, xây dựng Công ty Cổ phần M. Trước khi xảy ra dịch Covid - 19, ông chấm dứt hợp đồng với nguyên đơn. Ông đã và đang là cổ đông của Bệnh viện M Sài Gòn, Tập đoàn Y, Bệnh viện M Minh Hải, Công ty Cổ phần M Đà Lạt. Nguyên đơn yêu cầu thiết kế riêng phần mềm cho nguyên đơn sử dụng. Để đẩy nhanh tiến độ xây dựng phần mềm, theo chỉ đạo của ông R, ông đã thành lập một pháp nhân khác để sở hữu Công ty V, thỏa thuận sau khi phần mềm thành công thì bị đơn sẽ trở thành một công ty con của Tập đoàn M. Về bản chất, bị đơn do Tập đoàn M thành lập nhưng không phải trực tiếp mà thông qua một công ty khác. Ban đầu bị đơn chưa có nhân sự và vốn để hoạt động nên tạm ứng trước để triển khai dự án. Đây là một dự án lớn, có nhiều giai đoạn nên cứ 12 tháng các bên sẽ ngồi lại để chỉnh sửa. Dự kiến hợp đồng xây dựng phần mềm phát triển cho cả tập đoàn sử dụng, có giá trị rất lớn nên sẽ tạm ứng để khởi động dự án. Ông được ông R chỉ đạo là người đại diện theo pháp luật của bị đơn, ký kết Hợp đồng vay với nguyên đơn. Ông không biết ai là người soạn thảo Hợp đồng vay. Ông chỉ là người đại diện về mặt pháp lý của bị đơn, ông H tiến hành các bước tiếp theo. Ông H không phải là nhân viên, người lao động, không hưởng lương và làm việc theo sự chỉ đạo của ông R. Ông đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

4. Tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 1390/2024/KDTM-ST ngày 22 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải hoàn trả số tiền gốc là 8.000.000.000 đồng và lãi phát sinh tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 2.581.111.111 đồng theo Hợp đồng vay số 01/02/2018HĐV-HMC-VMEDICAL ngày 23/02/2018.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 06/8/2024 Công ty M có đơn kháng cáo với nội dung kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

5. Tại phiên tòa phúc thẩm:

5.1 Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông T trình bày: đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì các lý do sau đây:

Hợp đồng vay giữa các bên ký kết thỏa mãn đủ điều kiện của quy định pháp luật nên hợp đồng vay phát sinh hiệu lực pháp luật

Tòa án cấp sơ thẩm nhận định không đúng bản chất của Hợp đồng vay giữa Công ty M và Công ty V. Tại hợp đồng vay thể hiện hai thỏa thuận dân sự hoàn toàn độc lập, cụ thể: thỏa thuận thứ nhất là thỏa thuận về việc cho vay, bao gồm mục đích sử dụng vốn vay, lãi suất và thời hạn trả nợ vay); thỏa thuận thứ hai là việc thỏa thuận chuyển đổi khoản vay thành khoản thanh toán của hợp đồng sản xuất phần mềm mà các bên đáp ứng điều kiện ký kết hợp đồng sản xuất phần mềm. Như vậy nếu các bên không ký kết hợp đồng sản xuất phần mềm thì bên vay vẫn phải trả khoản vay và lãi suất theo thỏa thuận tại hợp đồng.

Tòa án cấp sơ thẩm xác định sai về bản chất hợp đồng vay và nhận định của cấp sơ thẩm không đúng thực tế, không phù hợp với tình tiết của vụ án làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn.

Ngoài ra, tại phiên tòa sơ thẩm ngày 16/7/2024, phía nguyên đơn đã trình bày giả sử Tòa tuyên hợp đồng vay vô hiệu thì yêu cầu Tòa án giải quyết hậu quả theo quy định pháp luật, tuy nhiên tại mục [9] phần nhận định của bản án sơ thẩm lại cho rằng các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu.

Do đó đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn về việc sửa toàn bộ bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

5.2 Người đại diện theo pháp luật của bị đơn là ông TD, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn là luật sư P đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm vì các lý do sau đây:

Công ty M và Công ty V có thỏa thuận về xây dựng dự án phần mềm cho nguyên đơn, điều này thể hiện trong suốt quá trình trước và sau khi ký kết hợp đồng vay tài sản. Thực chất hợp đồng vay giữa hai bên với số tiền 8 tỷ đồng thực chất là khoản tiền do nguyên đơn tạm ứng trước cho bị đơn để thực hiện dự án của chính nguyên đơn. Hợp đồng vay chỉ là hình thức tạm ứng tiền của Công ty M cho Công ty V thông qua thư điện tử giữa ông Đ và ông Y. Và tại biên bản đối chất, ông Đ (người đại diện theo pháp luật của Công ty M tại thời điểm ký kết hợp đồng) đã thừa nhận đây là khoản tiền tạm ứng trước cho Công ty V.

5.3 Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến như sau:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử tại phiên tòa, cũng như việc chấp hành pháp luật của các bên đương sự đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Việc Tòa án cấp sơ thẩm nhận định Hợp đồng vay tài sản vô hiệu do giả tạo và các đương sự không tranh chấp Hợp đồng sản xuất phần mềm nên không xem xét là không đúng với bản chất của sự việc, không đúng với ý chí tự thỏa thuận của đương sự vì các lý do sau:

Tại Điều 2 của Hợp đồng vay đã thể hiện mục đích vay là để thực hiện Dự án phần mềm được mô tả tại Phụ lục 2. Như vậy, không thể xác định Hợp đồng vay là để che dấu Hợp đồng sản xuất phần mềm như Tòa án sơ thẩm nhận định. Thực chất đây là hợp đồng vay có điều kiện để buộc bên bị đơn phải xây dựng cho được phần mềm quản lý bệnh viện, nếu không thực hiện được thì khoản tiền 8.000.000.000

đồng trở thành khoản vay, nếu thực hiện được thì khoản tiền này trở thành tiền ứng trước cho bên bị đơn.

Như vậy, Hợp đồng vay và việc thực hiện Dự án xây dựng phần mềm có mối quan hệ với nhau. Tuy nhiên, cấp sơ thẩm chưa làm rõ mối quan hệ này, chưa thu thập tài liệu chứng cứ để thể hiện Dự án phần mềm đã thực hiện đến đâu hay chưa thực hiện để có cơ sở giải quyết toàn diện vụ án.

Tòa án cấp sơ thẩm cho rằng khoản tiền 8.000.000.000 đồng là tiền ứng trước để thực hiện hợp đồng sẽ ký kết là Dự án xây dựng phần mềm nên Hợp đồng vay là che dấu hợp đồng dịch vụ thực hiện dự án là chưa phù hợp với ý chí thỏa thuận của các bên trong Hợp đồng vay.

Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 3 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 hủy bản án sơ thẩm số 1390/2024/KDTM-ST ngày 22/7/2024 của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hình thức:

[1.1] Bản án sơ thẩm số 1390/2024/KDTM-ST của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh được tuyên vào ngày 22/7/2024. Ngày 06/8/2024, nguyên đơn nộp đơn kháng cáo với yêu cầu sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đơn kháng cáo của nguyên đơn hợp lệ và trong thời hạn quy định tại khoản 3 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được chấp nhận về thời hạn.

[1.2] Nguyên đơn Công ty Cổ phần M có đơn khởi kiện bị đơn Công ty Cổ phần Công nghệ V tranh chấp về Hợp đồng vay tài sản. Tranh chấp giữa các bên phát sinh trong hoạt động kinh doanh thương mại, bị đơn có trụ sở tại quận T nên Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý và giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Về việc công bố và sử dụng tài liệu, chứng cứ:

Tại văn bản ngày 21/3/2024 người làm chứng là ông Đ đề nghị Tòa án không công khai Biên bản đối chất ngày 21/3/2024 với những nội dung, chứng cứ có liên quan đến bí mật nghề nghiệp, bí mật kinh doanh, bí mật cá nhân vì ông có ký thỏa thuận không tiết lộ thông tin, đồng thời đang là Tổng giám đốc của một Tập đoàn y khoa khác.

Xét, ông Đ đề nghị Tòa án không công khai Biên bản đối chất ngày 21/3/2024 với những nội dung, chứng cứ có liên quan đến bí mật nghề nghiệp, bí mật kinh doanh, bí mật cá nhân nhưng không nêu rõ nội dung nào là có liên quan đến bí mật nghề nghiệp, bí mật kinh doanh, bí mật cá nhân của ông Đ, ngoài ra, Tòa án cũng

chỉ ghi nhận ý kiến của ông Đ có liên quan đến việc xác lập, thực hiện cũng như bản chất và mục đích các bên có liên quan đến việc ký kết Hợp đồng vay để làm cơ sở giải quyết vụ án nên căn cứ các Điều 109 và 254 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu này của ông Đ.

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo của nguyên đơn về nội dung yêu cầu sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc bị đơn trả khoản tiền vay và tiền lãi theo thỏa thuận theo Hợp đồng vay tài sản ký kết ngày 23/02/2018 giữa Công ty Y và Công ty V:

[2.1.1] Về việc thực hiện hợp đồng vay:

Tại Hợp đồng vay các bên đã thỏa thuận như sau:

Tại khoản 4.1 Điều 4: "*Thời hạn vay: 01 năm kể từ ngày giải ngân. Việc giải ngân phụ thuộc vào việc đáp ứng đủ các điều kiện tiên quyết như quy định tại Phụ lục 1 của Hợp đồng vay này*". Ngày 08/3/2018 Công ty V được giải ngân. Theo đó, đến ngày 09/3/2019 (hết 01 năm kể từ ngày giải ngân) là đã hết thời hạn vay.

Tại khoản 3.2 Điều 3: "*Lãi vay được tính hàng tháng, trên cơ sở số ngày vay thực tế và một năm 360 ngày (bao gồm ngày đầu tiên của kỳ lãi suất nhưng không bao gồm ngày cuối cùng) và được trả theo công thức: Số tiền lãi phải trả = Dư nợ thực tế nhân (x) lãi suất vay (%năm) nhân (x) số ngày vay thực tế chia (:) 360 ngày*". Theo đó, Công ty V phải thanh toán lãi vay hàng tháng.

Tại khoản 6.4 Điều 6 thỏa thuận về quyền và nghĩa vụ của bên cho vay: "*Xuất hóa đơn giá trị gia tăng hàng tháng cho bên vay làm căn cứ để bên vay thanh toán lãi vay và khấu trừ thuế thu nhập doanh nghiệp*". Theo đó, hàng tháng Công ty M phải xuất hóa đơn giá trị gia tăng cho Công ty V làm căn cứ để Công ty V thanh toán lãi vay hàng tháng.

Tại khoản 6.2 Điều 6 thỏa thuận về quyền và nghĩa vụ của bên cho vay: "*Ngừng cho vay, chấm dứt việc cho vay, thu hồi nợ trước hạn khi phát hiện bên vay cung cấp thông tin sai sự thực, vi phạm nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng vay*". Theo đó, Công ty M được ngừng cho vay, chấm dứt việc cho vay, thu hồi nợ trước hạn khi phát hiện bên vay cung cấp thông tin sai sự thật, vi phạm nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng vay như vi phạm mục đích vay, vi phạm nghĩa vụ thanh toán lãi hàng tháng.

Tại Điều 8: "*8.1 Trong trường hợp bên vay không trả đúng hạn nợ gốc và/hoặc lãi như quy định tại Điều 4 của Hợp đồng vay này, ít nhất 02 ngày làm việc trước ngày đến hạn, bên vay phải gửi một đề nghị bằng văn bản cho bên cho vay để xin cơ cấu lại lịch trả nợ vay, trong đó nêu rõ lý do xin cơ cấu lại lịch trả nợ vay; tài sản, nợ hình thành từ vốn vay; năng lực tài chính; thời hạn vay mới và nguồn tài chính để trả nợ vay; các tài liệu chứng minh (nếu có). 8.2 Trong trường hợp bên cho vay đồng ý cơ cấu lại lịch trả nợ vay cho bên cho vay, hai bên sẽ tiến hành ký kết một phụ lục sửa đổi Hợp đồng vay để ghi nhận lại lịch trả nợ mới. 8.3 Trong trường hợp không đồng ý cơ cấu lại lịch trả nợ vay, bên cho vay sẽ thông báo cho bên vay việc từ chối này mà không làm mất đi quyền của bên cho vay theo các điều khoản và điều kiện như đã thỏa thuận theo Hợp đồng vay này và bên vay phải tiếp tục thực*

*hiện nghĩa vụ trả nợ vay theo thời hạn đã cam kết*". Theo đó, ít nhất 02 ngày làm việc trước ngày đến hạn là ngày 09/3/2019 Công ty V phải gửi cho Công ty M một đề nghị bằng văn bản để xin cơ cấu lại lịch trả nợ vay.

Căn cứ vào sự thừa nhận của các đương sự cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện: sau khi Công ty M giải ngân cho Công ty V số tiền tám tỷ đồng thì trong suốt quá trình vay từ ngày 08/3/2018 đến ngày 08/3/2019 (ngày kết thúc thời hạn vay) Công ty M không xuất hóa đơn giá trị gia tăng về tiền lãi cho Công ty V và Công ty V cũng không trả bất kỳ một khoản tiền lãi nào cho Công ty M; sau khi hết thời hạn vay Công ty V không có bất kỳ đề nghị nào để xin cơ cấu lại lịch trả nợ cho Công ty M theo thỏa thuận giữa các bên tại hợp đồng. Mặc dù Công ty V vi phạm nghĩa vụ thanh toán nhưng Công ty M không thực hiện quyền ngừng cho vay chấm dứt việc cho vay, thu hồi nợ trước hạn mà đến ngày 10/01/2022 (tức sau 02 năm 10 tháng kể từ ngày hết hạn Hợp đồng vay) Công ty M mới có văn bản yêu cầu Công ty V hoàn trả số tiền 8.000.000.000 đồng và lãi phát sinh. Như vậy, mặc dù giữa các bên ký kết hợp đồng vay tài sản, có việc giao nhận tiền nhưng thực tế các bên không thực hiện quyền và nghĩa vụ của bên vay và bên cho vay.

[2.1.2] Về việc trao đổi giữa các bên trong quá trình thực hiện hợp đồng:

Xét, trong quá trình giải quyết vụ án, Công ty M không phản đối các thư điện tử do Công ty V hay ông H cung cấp cho Tòa án và thừa nhận tại thời điểm giao kết Hợp đồng vay, ông Đ là Tổng giám đốc - người đại diện theo pháp luật, ông R là Chủ tịch Hội đồng quản trị của Công ty M, cả hai không có mâu thuẫn với tập đoàn hay với công ty, không có thông tin về ông H. Theo đó, căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử sẽ xem xét các tài liệu, chứng cứ này để làm căn cứ giải quyết vụ án.

Tại Vi bằng số 188/2024/VB-TPLTPHCM ngày 27/3/2024 của Văn phòng Thừa phát lại Thành phố Hồ Chí Minh và các thư điện tử do Công ty V hay ông H (đã được dịch sang tiếng Việt) cung cấp cho Tòa án thể hiện nội dung như sau:

- Ngày 09/01/2018 vào lúc 19:11, ông H (Email: hungnt@bvquoctedongnai.com) gửi thư điện tử cho ông R (Email: Martin.Robinson@Clermont.com): *"...Về tiến độ dự án HIS: - Công ty thực hiện dự án HIS đã được thành lập. (tên viết tắt là VVT)... Để dự án có thể VVT cần có vốn để có thể bắt đầu tuyển nhân sự và mua thiết bị... Quý I, Công ty cần 8 tỷ như tôi đề xuất. Xin vui lòng cho biết ý kiến của bạn".*

- Ngày 14/01/2018 vào lúc 17:14, ông R (Email: Martin.Robinson@Clermont.com) gửi thư điện tử cho ông H (Email: hungnt@bvquoctedongnai.com): *"Tiêu đề: Về: Dự án HIS, kính gửi ông H...Chúng tôi muốn tiến hành thực hiện dự án nhanh chóng và tôi nghĩ HM* ***có thể hỗ trợ về nguồn vốn ban đầu****. Như đã đề cập trước đó trong email của tôi vào ngày 14 tháng 11, Chúng tôi cần các hợp đồng được ký kết càng sớm càng tốt – Hiện tại vẫn chỉ có bản dự thảo? Tất cả chúng ta cần nắm rõ 100% về những gì được yêu cầu và công việc phải thực hiện khi nhận khoản vốn, v.v. Vui lòng họp và thỏa thuận với ông Đ và A càng sớm càng tốt và thống nhất mọi thứ để luật sư soạn thảo các Hợp đồng".*

- Ngày 21/02/2018 vào lúc 21/02/2018 ông H gửi thư điện tử cho ông Đ và ông R: *"Chủ đề: Dự án HIS...Anh đã chỉnh sửa hợp đồng vay giữa VVT và M như*

*file đính kèm. Tuy nhiên, anh nghĩ rằng có một số vấn đề với hợp đồng này mà không thể thực hiện được. Do công ty sẽ không có doanh thu trong 18 tháng tới hoặc hơn thế, cho nên VVT sẽ không thể hoàn trả khoản vay. VVT sẽ xây dựng HIS cho M, anh nghĩ nguồn tiền từ M nên được coi là tiền đặt cọc, không phải tiền vay. Anh cũng đính kèm hợp đồng mua bán HIS giữa VVT và M. Nếu tất cả chúng ta đồng ý điều này, VVT sẽ nhận toàn bộ vốn từ M thông qua hợp đồng này mà không cần hợp đồng vay".*

- Ngày 23/02/2018 vào lúc 13:32 ông Đ gửi thư điện tử cho ông H và ông R có nội dung như sau: *"Tiêu đề: Dự án HIS… Đây là hồ sơ vay nội bộ mà chúng tôi sử dụng lâu nay. Lãi suất và số tiền cho vay có thể được chuyển thành thanh toán sản phẩm sau này. Vì chúng ta cần tiền mặt cho quá trình tuyển dụng nhóm và thành lập dự án, tôi khuyên bạn nên thực hiện quy trình cho vay trước tiên; sau đó chuyển thành tiền đặt cọc sản phẩm sau khi chúng ta hoàn tất hợp đồng HIS".*

[2.1.3] Để làm rõ số tiền 8.000.000.000 đồng là khoản tiền vay hay tiền ứng trước, Tòa án đã tiến hành đối chất giữa các bên. Kết quả tại "Biên bản đối chất" do Tòa án lập ngày 21/3/2024 thể hiện nội dung:

- Ông Đ trả lời: *Về bản chất không phải là hợp đồng cấp vốn, đây là hợp đồng cho vay với tinh thần số tiền vay sẽ được cấn trừ vào tiền thanh toán sau khi phần mềm thực hiện xong. Tuy nhiên, mục đích xác định đầu tiên giữa nguyên đơn và bị đơn là xây dựng phần mềm, vậy nên hợp đồng này là hợp đồng vay nhưng nó là một phần của hợp đồng xây dựng phần mềm. Do đó, khoản vay này* ***cũng có thể được xem là khoản ứng trước cho hợp đồng xây dựng phần mềm****.*

- Ông H trả lời: *Thừa nhận lời trình bày của ông Đ, chúng tôi thỏa thuận xây dựng phần mềm trước, sau đó thành lập Công ty V và các bên mới ký kết Hợp đồng vay****. Tôi xác định đây là khoản tạm ứng do nguyên đơn ứng ra để xây dựng phần mềm****, vì trên lý thuyết Công ty V không có vốn điều lệ, không có tài sản nên không có khả năng trả nếu như xác định là khoản vay. Công ty M đã sử dụng cách này trong nhiều dự án, đây là khoản vay nội bộ.*

- Ông L trả lời: *Đồng ý 80% lời trình bày của ông H, ông Đ. Phần mềm rất cần thiết với cả Tập đoàn M và dự kiến phần mềm sẽ được xây dựng cho cả tập đoàn sử dụng. Vì vậy, nguyên đơn yêu cầu thiết kế phần mềm riêng cho nguyên đơn sử dụng, để đẩy nhanh tiến độ xây dựng phần mềm, theo chỉ đạo của ông R, tôi đã đại diện thành lập một pháp nhân khác để sở hữu Công ty V, thỏa thuận sau khi phần mềm thành công thì Công ty V sẽ trở thành một công ty con của Tập đoàn M. Về bản chất Công ty V do Tập đoàn M thành lập nhưng không phải trực tiếp mà qua một công ty khác.* ***Do ban đầu Công ty V chưa có hệ thống nhân sự và vốn để hoạt động nên nguyên đơn mới tạm ứng trước để bị đơn triển khai dự án****.*

Xét, căn cứ nội dung trao đổi tại các thư điện tử nêu trên, có cơ sở xác định số tiền 8.000.000.000 đồng Công ty M chuyển cho Công ty V theo Hợp đồng vay là khoản tiền tạm ứng do Công ty M ứng ra để xây dựng phần mềm cho Công ty M. Điều này cũng phù hợp với lời trình bày của những người làm chứng (là những người có thẩm quyền tại thời điểm xác lập hợp đồng) tại Biên bản đối chất lập ngày 21/3/2024 giữa ông Đ (Giám đốc, đại diện Công ty M ký kết Hợp đồng vay), ông Y (Giám đốc, đại diện Công ty V ký kết Hợp đồng vay) và ông H về nội dung liên quan

đến khoản tiền tám tỷ đồng được các bên thỏa thuận là khoản ứng trước. Việc xác định đây là tiền ứng trước phù hợp với lời trình bày của ông R trong thư điện tử ngày 14/01/2018 là Công ty M "có thể hỗ trợ nguồn vốn ban đầu".

Ngoài ra, tại Vi bằng số 188/2024/VB-TPLTPHCM ngày 27/3/2024 của Văn phòng Thừa phát lại Thành phố Hồ Chí Minh và các thư điện tử do Công ty V hay ông H (có nội dung bằng tiếng nước ngoài đã được dịch sang tiếng Việt) cung cấp cho Tòa án còn thể hiện:

- Ngày 06/9/2018 vào lúc 18:30 ông Trần Quốc Việt (Email: viet.tran1@hoanmy.com) gửi thư điện tử cho ông H (Email: hungnt@bvquoctedongnai.com) và ông Nhật (Email: nhutdh@Vtech.com): *"Kính gửi ông H, ông Nhứt. Theo kế hoạch của dự án HM HIS, chúng tôi sẽ có phiên bản chạy thử OPD cho tất cả các cổ đông vào ngày 24/9/2018. Về phía chúng tôi, Jonh muốn tất cả thông tin dưới đây để giúp nhóm của bạn chuẩn bị mọi việc một cách hiệu quả hơn: 1. Chương trình chạy thử... 2. Kịch bản chạy thử. 3. Slide & tài liệu liên quan. 4. Và cấp toàn quyền truy cập vào máy chủ HIS cho nhóm HM HIS".*

- Ngày 07/9/2018 vào lúc 10:38 ông H (Email: hungnt@bvquoctedongnai.com) gửi thư điện tử cho ông Trần Quốc Việt (Email: viet.tran1@hoanmy.com) và Masud Parvez (Email: masud.parvez@hoanmy.com): *"Kính gửi ông Jonh và ông Việt. Trong bản chạy thử, nhóm muốn trình bày cho hệ thống đang chạy các tính năng dành cho người dùng cuối. Qua đây M sẽ đưa ra các quyết định tiếp theo. Trong hệ thống mới, nhóm muốn thể hiện: 1. Cải tiến kỹ thuật... 2. Tính năng người dùng..."*.

Xét, căn cứ nội dung trao đổi tại các thư điện tử nêu trên, có cơ sở xác định số tiền 8.000.000.000 đồng Công ty M chuyển cho Công ty V theo Hợp đồng vay đã được Công ty V sử dụng để xây dựng phần mềm cho Công ty M và phần mềm của dự án đã được tiến hành chạy thử nghiệm. Điều này cũng phù hợp với một phần lời trình bày của những người làm chứng tại Biên bản đối chất ngày 21/3/2024 đối với ông Đ, ông Y và ông H.

[2.1.4] Về giá trị pháp lý của Hợp đồng vay:

Như đã phân tích tại mục [2.1.2], [2.1.3] có cơ sở xác định: Số tiền 8.000.000.000 đồng Công ty M chuyển cho Công ty V theo Hợp đồng vay là khoản tiền tạm ứng do Công ty M ứng ra để xây dựng phần mềm và Hợp đồng vay là giả tạo để che dấu cho hợp đồng dịch vụ về việc Công ty V thực hiện dự án Xây dựng phần mềm cho Công ty M. Điều này cũng phù hợp với ý chí của các bên khi thực hiện Hợp đồng, cụ thể là sau khi Công ty V nhận giải ngân số tiền 8.000.000.000 đồng từ Công ty M, cả hai bên không thực hiện bất cứ nghĩa vụ nào theo Hợp đồng vay như đã phân tích tại mục [2.1.2] đối với số tiền 8.000.000.000 đồng. Điều này càng chứng minh rõ cho nhận định giao dịch 8.000.000.000 đồng giữa các bên chỉ là khoản tiền ứng trước để thực hiện hợp đồng xây dựng phần mềm quản lý.

Vì vậy, việc Công ty M khởi kiện, cho rằng số tiền 8.000.000.000 đồng Công ty M chuyển cho Công ty V theo Hợp đồng vay là khoản tiền vay và yêu cầu Công ty V hoàn trả số tiền này và tiền lãi theo Hợp đồng vay là không có cơ sở nên Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty M là có căn cứ. Việc trong hợp đồng có ghi nhận nội dung vay tiền để làm dự án phần mềm quản lý và

chuyển thành tiền ứng trước khi thực hiện hợp đồng thì chẳng qua chỉ là hình thức che đậy cho việc ứng tiền trước của hợp đồng.

[2.1.5] Về giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu:

Tại khoản 1 Điều 124 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định về giao dịch dân sự vô hiệu do giả tạo như sau: "*Khi các bên xác lập giao dịch dân sự một cách giả tạo nhằm che giấu một giao dịch dân sự khác thì giao dịch dân sự giả tạo vô hiệu, còn giao dịch dân sự bị che giấu vẫn có hiệu lực, trừ trường hợp giao dịch đó cũng vô hiệu theo quy định của Bộ luật này hoặc luật khác có liên quan*".

Tại Điều 131 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định về hậu quả pháp lý của giao dịch dân sự vô hiệu như sau: "*1. Giao dịch dân sự vô hiệu không làm phát sinh, thay đổi, chấm dứt quyền, nghĩa vụ dân sự của các bên kể từ thời điểm giao dịch được xác lập. 2. Khi giao dịch dân sự vô hiệu thì các bên khôi phục lại tình trạng ban đầu, hoàn trả cho nhau những gì đã nhận. Trường hợp không thể hoàn trả được bằng hiện vật thì trị giá thành tiền để hoàn trả. 3. Bên ngay tình trong việc thu hoa lợi, lợi tức không phải hoàn trả lại hoa lợi, lợi tức đó. 4. Bên có lỗi gây thiệt hại thì phải bồi thường. 5. Việc giải quyết hậu quả của giao dịch dân sự vô hiệu liên quan đến quyền nhân thân do Bộ luật này, luật khác có liên quan quy định*".

Tại Biên bản phiên tòa sơ thẩm ngày 16/7/2024 (bút lục 347) thể hiện:

- Khi được chủ tọa phiên tòa hỏi về việc trong trường hợp xác định Hợp đồng vay vô hiệu có yêu cầu xác định hậu quả hợp đồng không thì đại diện nguyên đơn trả lời: "*chúng tôi yêu cầu bị đơn trả 08 tỉ đồng và yêu cầu 2 tỉ đồng tiền lãi*", "*chúng tôi không nhận thấy hợp đồng này vô hiệu nên không yêu cầu*"; đại diện bị đơn trả lời: "*vẫn giữ nguyên yêu cầu cấn trừ số tiền thực hiện dự án*".

Như vậy, tại phiên tòa sơ thẩm ngày 16/7/2024, hai bên đều có ý kiến cho rằng giả sử trong trường hợp hợp đồng vay tài sản là vô hiệu thì cả hai bên đều không có ai yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu. Do đó, việc Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét giải quyết hậu quả hợp đồng vô hiệu trong vụ án này và giành cho các bên có liên quan được quyền khởi kiện bằng một vụ án khác theo quy định pháp luật là có căn cứ. Đối với khoản tiền tám tỷ đồng mà các bên giao nhận, do đây là khoản tiền liên quan đến hợp đồng dịch vụ sản xuất phần mềm giữa nguyên đơn và bị đơn nên số tiền này sẽ được giải quyết trong hợp đồng dịch vụ.

Việc phía nguyên đơn kháng cáo cho rằng tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết hậu quả theo quy định pháp luật trong trường hợp Tòa tuyên hợp đồng vay vô hiệu là không đúng diễn biến tại phiên tòa ngày 16/7/2024 như đã trích dẫn trên. Do đó, phần trình bày này của nguyên đơn là không có căn cứ.

[2.2] Xét ý kiến tranh luận của luật sư H bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.3] Xét ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh không phù hợp với nhận định nêu trên nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Công ty Cổ phần Mvề việc yêu cầu bị đơn trả cho

nguyên đơn số tiền gốc là 8.000.000.000 đồng và tiền lãi, giữ nguyên bản án sơ thẩm 1390/2024/KDTM-ST ngày 22/7/2024 của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh.

Về án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Công ty M phải chịu do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

## QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

*Tuyên xử:*

**1**. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn Công ty Cổ phần M. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 1390/2024/KDTM-ST ngày 22/7/2024 của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh như sau:

1.1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Cổ phần M về việc buộc bị đơn Công ty Cổ phần Công nghệ V phải hoàn trả số tiền gốc là 8.000.000.000 đồng (tám tỷ đồng) và tiền lãi phát sinh tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 2.581.111.111 đồng (hai tỷ năm trăm tám mươi mốt nghìn một trăm mười một đồng) theo Hợp đồng vay số 01/02/2018HĐV-HMC-VMEDICAL ngày 23/02/2018.

1.2. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Công ty Cổ phần M phải chịu án phí sơ thẩm là 118.581.111 đồng (một trăm mười tám triệu năm trăm tám mươi mốt nghìn một trăm mười một đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 58.812.000 đồng (năm mươi tám triệu tám trăm mười hai nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0049555 ngày 22/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty Cổ phần M còn phải nộp số tiền là 59.769.111 đồng (năm mươi chín triệu bảy trăm sáu mươi chín nghìn một trăm mười một đồng).

1.3 Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Công ty Cổ phần M phải chịu án phí phúc thẩm là 2.000.000 đồng (hai triệu đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0028970 ngày 28/8/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty Cổ phần M đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

**2.** Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ** **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**PH Thị Như Mai** **Ngô Thị Phúc Hảo** **Lê Thị Quỳnh Anh**